

BẢN TIN

HÀNG RÀO KỸ THUẬT TRONG THƯƠNG MẠI

Số 01 tháng 3/2026

www.tbt.gov.vn



An toàn thông tin mạng: Yêu cầu ngày càng quan trọng để bảo đảm thương mại toàn cầu



Điểm TBT Quốc gia
Số 8 Hoàng Quốc Việt, P. Nghĩa Đô, Tp. Hà Nội
Điện thoại: 02437911630
Email: tbtvn@mst.gov.vn, htqt@tcvn.gov.vn
Website: tbt.gov.vn

MỤC LỤC

Vấn đề hôm nay

3

An toàn thông tin mạng: Yêu cầu ngày càng quan trọng để bảo đảm thương mại toàn cầu



Hàng rào kỹ thuật trong thương mại

5

Danh mục thông báo TBT đã tiếp nhận từ 01/3/2026 - 10/3/2026

7

Tin cảnh báo TBT số 01 tháng 3/2026

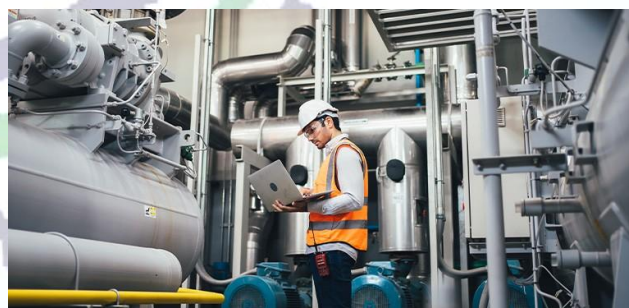
11

Danh mục Tiêu chuẩn, Quy chuẩn kỹ thuật và văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến TBT mới ban hành

Quan ngại thương mại

12

Quan ngại thương mại đối với tiêu chuẩn quản lý hóa chất công nghiệp rủi ro cao của Australia



Tranh chấp thương mại về TBT của WTO

16

Vụ kiện giữa Hồng Kông – Trung Quốc và Hoa Kỳ về Quy định dấu xuất xứ của Hoa Kỳ (Phần 7)



Điểm TBT Quốc gia
Số 8 Hoàng Quốc Việt, P. Nghĩa Đô, Tp. Hà Nội
Điện thoại: 02437911630
Email: tbtvn@mst.gov.vn, htqt@tcvn.gov.vn
Website: tbt.gov.vn

An toàn thông tin mạng: Yêu cầu ngày càng quan trọng để bảo đảm thương mại toàn cầu

Trong bối cảnh chuyển đổi số diễn ra mạnh mẽ trên phạm vi toàn cầu, an toàn thông tin mạng đang trở thành một trong những điều kiện nền tảng để bảo đảm hoạt động thương mại quốc tế diễn ra thông suốt, an toàn và đáng tin cậy. Nếu trước đây, các rủi ro đối với thương mại thường được nhìn nhận chủ yếu dưới góc độ logistics, thanh toán hay gián đoạn chuỗi cung ứng vật lý, thì hiện nay các nguy cơ trên không gian số đã nổi lên như một thách thức mới, tác động trực tiếp đến doanh nghiệp, cơ quan quản lý và toàn bộ hệ sinh thái thương mại.

Theo IEC, số lượng các cuộc tấn công mạng đang tiếp tục gia tăng, trong khi mức độ phụ thuộc của nền kinh tế toàn cầu vào dữ liệu, nền tảng số và hệ thống kết nối ngày càng lớn. Từ thanh toán điện tử, lưu chuyển dữ liệu thương mại, vận hành chuỗi cung ứng đến quản lý hạ tầng thiết yếu, hầu hết các hoạt động đều gắn chặt với môi trường số. Điều này cũng đồng nghĩa với việc chỉ cần một lỗ hổng bảo mật xuất hiện ở một mắt xích quan trọng, tác động có thể lan rộng và gây ảnh hưởng đến niềm tin thị trường, tính liên tục của giao dịch và an toàn của hệ thống thương mại.



An toàn thông tin mạng đang trở thành một trong những điều kiện nền tảng để bảo đảm hoạt động thương mại quốc tế diễn ra thông suốt, an toàn và đáng tin cậy



Trong bối cảnh đó, tiêu chuẩn quốc tế ngày càng khẳng định vai trò quan trọng như một công cụ hỗ trợ các tổ chức nhận diện, quản lý và giảm thiểu rủi ro an ninh mạng. Theo Ủy ban Kỹ thuật Điện Quốc tế (IEC), các tiêu chuẩn an toàn thông tin và an ninh mạng cung cấp một khuôn khổ chung để các doanh nghiệp và cơ quan liên quan áp dụng các biện pháp quản lý rủi ro một cách có hệ thống, từ đó góp phần củng cố niềm tin giữa các đối tác thương mại và hỗ trợ giao dịch xuyên biên giới.

Bên cạnh đó, IEC cũng nhấn mạnh vai trò của đánh giá sự phù hợp trong lĩnh vực an ninh mạng. Trên thực tế, việc áp dụng tiêu chuẩn chỉ thực sự phát huy giá trị khi đi kèm với các cơ chế thử nghiệm, đánh giá và chứng nhận đáng tin cậy. Đây là yếu tố quan trọng giúp thị trường có thêm cơ sở để xác nhận rằng một hệ thống, một quy trình hay một tổ chức đáp ứng các yêu cầu cần thiết về an toàn thông tin.

Từ góc độ tiêu chuẩn đo lường chất lượng và hàng rào kỹ thuật trong thương mại, đây là một xu hướng rất đáng lưu ý. Khi các yêu cầu về bảo mật dữ liệu, an toàn hệ thống số, tính toàn vẹn của hạ tầng kết nối và độ tin cậy của sản phẩm ngày càng được chú trọng, an toàn thông tin mạng đang dần trở thành một nội dung có liên quan trực tiếp đến khả năng tiếp cận thị trường. Nói cách khác, trong nhiều lĩnh vực, việc đáp ứng các yêu cầu về an ninh mạng không còn chỉ là một lợi thế cạnh tranh, mà đang trở thành một điều kiện cần để tham gia thương mại, tương tự như các yêu cầu về an toàn, chất lượng hay môi trường. Xu hướng này cũng đặt ra yêu cầu đối với hệ thống tiêu chuẩn và hoạt động đánh giá sự phù hợp cần tiếp tục được hoàn thiện và thích ứng với những yêu cầu mới phát sinh từ quá trình số hóa nền kinh tế.

Đối với Việt Nam, xu thế này đặt ra yêu cầu tiếp tục tăng cường năng lực trong xây dựng, hài hòa và áp dụng tiêu chuẩn; đồng thời đẩy mạnh năng lực đánh giá sự phù hợp đối với các yêu cầu liên quan đến an toàn thông tin và an ninh mạng. Trong bối cảnh doanh nghiệp Việt Nam ngày càng tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng toàn cầu, việc chủ động đáp ứng các chuẩn mực quốc tế trong lĩnh vực này sẽ góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh, bảo đảm độ tin cậy của hàng hóa, dịch vụ và hỗ trợ quá trình hội nhập thương mại bền vững.

Có thể thấy, trong kỷ nguyên số, an ninh mạng không còn là câu chuyện thuần túy về công nghệ. Đó đang trở thành một yếu tố gắn với quản trị, tiêu chuẩn, chứng nhận và niềm tin thị trường. Khi thương mại toàn cầu ngày càng phụ thuộc vào hạ tầng số, thì việc củng cố an toàn thông tin mạng cũng chính là một phần quan trọng trong nỗ lực bảo đảm thương mại an toàn, ổn định và bền vững hơn.

DANH MỤC CÁC THÔNG BÁO NHẬN ĐƯỢC
TỪ 01/3/2026 – 10/3/2026

Nước thông báo	Số lượng TB	Vấn đề thông báo
Brazil	3	Máy móc thiết bị, Trái cây tươi
Burundi	6	Chất thải, Phụ gia thực phẩm
Canada	2	Viễn thông
Chile	4	Nhựa dùng một lần, Thực phẩm, Hóa chất, Công nghệ sinh học
Cộng hòa Séc	1	Nguồn phóng xạ
Liên minh Châu Âu	4	Sản phẩm diệt khuẩn, Chai nhựa dùng một lần, Thức ăn và thức ăn chăn nuôi
Indonesia	1	Sản phẩm Halal
Nhật Bản	1	Chất tác động lên thần kinh
Kenya	7	Chất thải, Phụ gia thực phẩm, Cửa chống cháy
Hàn Quốc	1	Thực phẩm biến đổi gen
Cộng hòa Kyrgyzstan	1	Tiết kiệm năng lượng
New Zealand	1	An toàn điện
Panama	5	Phô mai, Đồ uống không cồn, Sữa và sản phẩm từ sữa
Paraguay	1	Xi măng
Philippines	2	Thuốc lá, Dược phẩm
Rwanda	6	Chất thải điện điện tử, Chất thải rắn, Chất thải nói chung, Phụ gia thực phẩm
Vương quốc Ả Rập Xê Út	10	Keo và chất kết dính, Hệ thống và thiết bị chữa cháy, Đánh giá phù hợp đối với sản phẩm, Sản phẩm quang điện, Sơn, Dệt may, An toàn pin điện, Giấy, bìa, Thiết bị áp suất, Vật dụng tiếp xúc thực phẩm khi nấu ăn
Slovenia	1	Sản phẩm chăm sóc trẻ em
Thụy Sĩ	1	Vật liệu tiếp xúc thực phẩm
Tanzania	27	Phụ gia thực phẩm, Đồ uống không cồn, Các loại dầu thực vật, Các loại hạt, Chất thải rắn, Rau củ sấy khô, Binder, Keo



Nước thông báo	Số lượng TB	Vấn đề thông báo
		dán, Rác thải văn phòng, Chất thải nói chung, Chất thải điện tử
Uganda	6	Phụ gia thực phẩm, Chất thải rắn, Chất thải nói chung, Giày dép
Ukraine	5	Thuốc lá, Thực phẩm, Sản phẩm biến đổi gen
Hoa Kỳ	6	Thuốc, Khí nhà kính, Chất độc hại, Nhà máy điện hạt nhân, Quả bơ, Thiết bị kiểm soát giao thông
Việt Nam	1	Mỹ phẩm



TIN CẢNH BÁO 01/3/2026 – 10/3/2026

Liên minh Châu Âu quy định phương pháp tính và báo cáo hàm lượng nhựa tái chế trong chai nhựa dùng một lần



Ngày 09/03/2026, Liên minh châu Âu (EU) đã thông báo tới các Thành viên WTO về Dự thảo Quyết định thực thi của Ủy ban châu Âu quy định phương pháp tính toán, xác minh và báo cáo dữ liệu về hàm lượng nhựa tái chế trong chai đồ uống bằng nhựa dùng một lần, theo Thông báo G/TBT/N/EU/1195.

Cơ quan chủ trì ban hành là Ủy ban châu Âu (European Commission). Biện pháp này áp dụng đối với Chai đồ uống bằng nhựa dùng một lần làm từ polyethylene terephthalate (PET), dung tích đến 3 lít; Các bộ phận liên quan như nắp, nhãn, màng bọc và nguyên liệu trung gian trong chuỗi cung ứng nhựa tái chế sử dụng cho các chai này.

Dự thảo thiết lập các quy tắc chi tiết nhằm thực hiện Chỉ thị (EU) 2019/904 về nhựa dùng một lần, bao gồm:

(1) Phương pháp tính toán hàm lượng nhựa tái chế, trong đó xác định cách tính tỷ lệ nhựa tái chế trong chai PET và áp dụng thống nhất cho các quốc gia thành viên EU.

(2) Cơ chế xác minh và báo cáo gồm quy định yêu cầu kiểm chứng dữ liệu và thiết lập nghĩa vụ báo cáo đối với các quốc gia thành viên.

(3) Phân biệt theo công nghệ tái chế gồm tái chế cơ học: áp dụng hệ thống đã có trong quy định vật liệu tiếp xúc thực phẩm của EU và tái chế hóa học: áp dụng phương pháp cân bằng khối lượng (mass balance) và yêu cầu chứng nhận bên thứ ba.

(4) Quy định về phạm vi địa lý của hoạt động tái chế: làm rõ điều kiện để nhựa tái chế được công nhận khi tính vào chỉ tiêu.

Biện pháp nhằm giảm thiểu ô nhiễm nhựa toàn cầu; Bảo vệ môi trường, sức khỏe con người, động thực vật; Thúc đẩy kinh tế tuần hoàn trong ngành nhựa; Đảm bảo giá trị môi trường thực chất của nhựa tái chế.

EU dự kiến thông qua biện pháp này trong Quý II/2026 (khoảng 1 tuần sau khi kết thúc thời hạn góp ý) và biện pháp sẽ có hiệu lực sau khoảng 20 ngày kể từ khi công bố (tương đương ~5 tuần sau khi thông qua). Các nước Thành viên WTO được phép góp ý đến ngày 23/04/2026 (45 ngày kể từ ngày thông báo).

Dự thảo (bản 1):

https://members.wto.org/crnattachments/2026/TBT/EEC/26_01339_00_e.pdf

Dự thảo (bản 2):

https://members.wto.org/crnattachments/2026/TBT/EEC/26_01339_01_e.pdf

Mã thông báo: G/TBT/N/EU/1195



Hàn Quốc sửa đổi quy định ghi nhãn đối với thực phẩm biến đổi gen (GMO)



Ngày 06/03/2026, Hàn Quốc đã thông báo tới các Thành viên WTO về Dự thảo sửa đổi “Tiêu chuẩn ghi nhãn đối với thực phẩm biến đổi gen”, theo Thông báo G/TBT/N/KOR/1345.

Cơ quan chủ trì ban hành là Bộ An toàn Thực phẩm và Dược phẩm Hàn Quốc (Ministry of Food and Drug Safety – MFDS). Biện pháp này sẽ áp dụng đối với các loại thực phẩm theo Bộ luật Thực phẩm Hàn Quốc, bao gồm nước tương (soy sauce), đường và các chất tạo ngọt (saccharides), dầu và chất béo ăn được (edible fats and oils).

Dự thảo sửa đổi quy định ghi nhãn GMO theo hướng tăng cường minh bạch thông tin thông qua mở rộng phạm vi áp dụng ghi nhãn GMO, trong đó yêu cầu ghi nhãn áp dụng cả đối với thực phẩm được sản xuất hoặc chế biến từ nguyên liệu biến đổi gen và ngay cả khi DNA hoặc protein biến đổi gen không còn phát hiện được trong sản phẩm cuối cùng.

Lộ trình áp dụng sẽ tùy theo nhóm sản phẩm, trong đó nước tương sẽ áp dụng từ 31/12/2026, đường, dầu và chất béo ăn sẽ áp dụng từ 31/12/2027.

Biện pháp hướng tới tăng cường minh bạch thông tin thực phẩm, đồng thời hỗ trợ người tiêu dùng đưa ra lựa chọn có hiểu biết cũng như nhằm hoàn thiện quy định về ghi nhãn phù hợp với thực tiễn sản xuất và tiêu dùng.

Dự kiến, Hàn Quốc sẽ thông qua biện pháp này vào ngày 31/12/2026 nhưng chưa xác định ngày có hiệu lực (áp dụng theo lộ trình từng nhóm sản phẩm). Hàn quốc cho phép góp ý đến ngày 05/05/2026 (60 ngày kể từ ngày thông báo).

Dự thảo (10 trang, tiếng Hàn):

https://members.wto.org/crnattachments/2026/TBT/KOR/26_01285_00_x.pdf

Mã thông báo: G/TBT/N/KOR/1345

Philippines ban hành hướng dẫn chứng nhận bắt buộc đối với sản phẩm thuốc lá thể hệ mới



Ngày 05/3/2026, Philippines đã thông báo tới các Thành viên WTO về Dự thảo Lệnh hành chính của Bộ (Department Administrative Order – DAO) liên quan đến hướng dẫn thực hiện chứng nhận bắt buộc đối với sản phẩm thuốc lá thể hệ mới, theo Thông báo G/TBT/N/PHL/359.

Cơ quan chủ trì là Bộ Công Thương Philippines (Department of Trade and Industry – DTI), thông qua Văn phòng phụ trách sản phẩm nicotine bay hơi và sản phẩm thuốc lá mới (OSMV). Dự thảo biện pháp áp dụng đối với thuốc lá và các sản phẩm thuốc lá, bao gồm cả sản phẩm thuốc lá thể hệ mới (novel tobacco products) và thiết bị sử dụng nicotine và không chứa nicotine dạng bay hơi (mã ICS: 65.160)

Dự thảo đưa ra các quy định về chứng nhận bắt buộc đối với sản phẩm thuốc lá thể hệ mới, bao gồm:

(1) Thiết lập yêu cầu chứng nhận sản phẩm: các sản phẩm thuốc lá thể hệ mới phải đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật trước khi được lưu hành trên thị trường và chỉ các sản phẩm được chứng nhận phù hợp mới được phép phân phối.

(2) Tăng cường kiểm soát thị trường: loại bỏ các sản phẩm không tuân thủ quy định và ngăn chặn việc lưu hành các sản phẩm có nguy cơ gây hại cho sức khỏe.

(3) Áp dụng cơ chế quản lý theo luật hiện hành: thực hiện theo Đạo luật Republic Act No. 11900 về quản lý sản phẩm nicotine bay hơi và kết hợp với các quy định kỹ thuật hiện hành của DTI (DAO 22-06 và DAO 24-02).

Biện pháp này được Philippines dự kiến ban hành nhằm bảo vệ sức khỏe và an toàn con người thông qua việc đảm bảo chỉ các sản phẩm đạt tiêu chuẩn được lưu hành và tăng cường quản lý đối với thị trường thuốc lá thể hệ mới đang phát triển nhanh.

Hiện Philippines chưa xác định thời điểm dự kiến thông qua và có hiệu lực của biện pháp, đồng thời cho phép các nước Thành viên WTO góp ý đến ngày 18/3/2026 (tương đương chỉ 14 ngày kể từ ngày thông báo do tính cấp bách của biện pháp)

Thông tin chi tiết dự thảo (5 trang, tiếng Anh):

https://members.wto.org/crnattachments/2026/TBT/PHL/26_01260_00_e.pdf

Mã thông báo: G/TBT/N/PHL/359

DANH MỤC TIÊU CHUẨN, QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT LIÊN QUAN ĐẾN TBT MỚI BAN HÀNH

STT	Loại văn bản/số hiệu	Trích yếu nội dung	Ngày ban hành	Nội dung chi tiết
1	Số: 72/2026/NĐ-CP	Nghị định 72/2026/NĐ-CP sửa đổi mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với mặt hàng xăng, dầu, nguyên liệu sản xuất xăng, dầu tại Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi kèm theo Nghị định 26/2023/NĐ-CP về Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, Danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp, thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan	09/03/2026	https://thuvienphapluat.vn/TCVN/Cong-nghiep/TCVN-14267-2025-ISO-23388-2018-Gang-tay-bao-ve-chong-rui-ro-co-hoc-921612.aspx
2	Số: 17/2026/TT-BNNMT	Thông tư 17/2026/TT-BNNMT sửa đổi Thông tư 25/2018/TT-BNNPTNT hướng dẫn về đánh giá rủi ro, cấp phép thủy sản sống nhập khẩu đã được sửa đổi bởi Thông tư 01/2022/TT-BNNPTNT sửa đổi một số Thông tư trong lĩnh vực thủy sản do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành	10/3/2026	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thuong-mai/Quy-dinh-848-QD-BCT-2025-gia-han-thoi-han-ra-soat-nha-xuat-khau-moi-duong-mia-649493.aspx

Quan ngại thương mại đối với tiêu chuẩn quản lý hóa chất công nghiệp rủi ro cao của Australia

Tại phiên họp của Ủy ban Hàng rào Kỹ thuật trong Thương mại (TBT) của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) vào tháng 6 năm 2025, Hàn Quốc đã nêu Quan ngại thương mại cụ thể (Specific Trade Concern – STC) đối với Dự thảo Nghị định của Bộ Công nghiệp Indonesia về áp dụng bắt buộc Tiêu chuẩn quốc gia Indonesia (SNI) đối với pin sơ cấp, được thông báo theo mã G/TBT/N/IDN/21/Add.1.

Tại phiên họp tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Hàng rào Kỹ thuật trong Thương mại (TBT) thuộc Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), Hàn Quốc đã nêu Quan ngại thương mại cụ thể (Specific Trade Concern – STC) đối với đề xuất tiêu chuẩn quản lý hóa chất công nghiệp rủi ro cao của Australia, được thông báo theo mã G/TBT/N/AUS/181.

Đề xuất này là một phần trong khuôn khổ Tiêu chuẩn Quản lý Môi trường đối với Hóa chất Công nghiệp (Industrial Chemicals Environmental Management Standard – IChEMS), nhằm thiết lập các quy định thống nhất ở cấp quốc gia về quản lý rủi ro môi trường đối với các hóa chất nguy hại, trong đó có chất chống cháy DBDPE (Decabromodiphenyl Ethane).

Nội dung chính của biện pháp

Theo thông báo của Australia, tiêu chuẩn mới được xây dựng nhằm tăng cường kiểm soát các hóa chất có nguy cơ cao đối với môi trường. DBDPE được xác định là một hóa chất đáng quan ngại do có đặc tính bền vững trong môi trường, tích lũy sinh học và có khả năng gây tác động bất lợi đối với hệ sinh thái, đồng thời có thể lan truyền trên phạm vi rộng.

Biện pháp đề xuất không chỉ áp dụng đối với hóa chất ở dạng nguyên chất mà còn đối với các sản phẩm, vật phẩm có chứa DBDPE, qua đó mở rộng phạm vi quản lý nhằm hạn chế các nguồn phơi nhiễm gián tiếp đối với môi trường.

Tiêu chuẩn cũng đưa ra các quy định về lộ trình loại bỏ dần (phase-out), các trường hợp sử dụng thiết yếu và yêu cầu đánh giá rủi ro, trên cơ sở tham chiếu các nghĩa vụ quốc tế của Australia, trong đó có Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy (POPs).



Quan ngại thương mại của Hàn Quốc

Hàn Quốc bày tỏ ủng hộ mục tiêu bảo vệ môi trường của Australia, đồng thời nêu một số quan ngại liên quan đến tính tương xứng và khả thi của biện pháp.

Trước hết, Hàn Quốc cho rằng việc hạn chế sử dụng DBDPE trong đề xuất có thể vượt quá các quy định quốc tế hiện hành, đặc biệt trong bối cảnh Công ước Stockholm chưa áp dụng các hạn chế tương tự đối với chất này. Ngoài ra, do thiếu các giải pháp thay thế khả thi về mặt kỹ thuật và thương mại, việc áp dụng các hạn chế nghiêm ngặt có thể gây khó khăn cho doanh nghiệp.

Hàn Quốc đề nghị Australia xem xét một số nội dung cụ thể, bao gồm:

- Kéo dài thời gian chuyển tiếp đối với các ứng dụng thiết yếu, do quá trình phát triển và chứng nhận các chất thay thế có thể kéo dài đến 10 năm;
- Làm rõ phạm vi áp dụng theo từng ngành, đặc biệt đối với máy móc xây dựng và thiết bị y tế;
- Ban hành tiêu chí đánh giá rõ ràng về tính khả thi của các chất thay thế;
- Điều chỉnh ngưỡng hàm lượng vết không chủ ý (UTC) của DBDPE từ 500 mg/kg lên 1.000 mg/kg, phù hợp với thông lệ quốc tế đối với các chất POPs.

Hàn Quốc cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của việc tham vấn đầy đủ với các bên liên quan, nhằm bảo đảm tính minh bạch và khả thi của quy định.

Phản hồi của Australia

Australia ghi nhận các ý kiến của Hàn Quốc và cho biết đã tiến hành tham vấn rộng rãi với các bên liên quan, bao gồm các quốc gia thành viên WTO và doanh nghiệp, trong quá trình xây dựng tiêu chuẩn.

Australia khẳng định việc xác định DBDPE là hóa chất có nguy cơ cao dựa trên các đánh giá khoa học về đặc tính môi trường và sinh thái của chất này. Biện pháp đề xuất được cho là phù hợp với nghĩa vụ quốc tế của Australia, đặc biệt theo Công ước Stockholm.

Để bảo đảm tính khả thi, Australia đã điều chỉnh một số nội dung trong dự thảo, bao gồm:



- Mở rộng danh mục các trường hợp sử dụng thiết yếu, trong đó có các lĩnh vực như nông nghiệp, khai khoáng, hàng hải, đường sắt và xây dựng;
- Gia hạn thời gian loại bỏ dần từ 5 năm lên 10 năm đối với các ứng dụng thiết yếu, đồng thời kéo dài thời gian đối với linh kiện thay thế;
- Quy định cơ chế rà soát sau 5 năm kể từ khi tiêu chuẩn có hiệu lực, nhằm đánh giá tiến độ chuyển đổi và khả năng sẵn có của các giải pháp thay thế.

Australia cũng cho biết hiện đã có một số chất chống cháy thay thế tiềm năng không có đặc tính POPs, tuy nhiên thừa nhận việc chuyển đổi cần thời gian do yêu cầu thử nghiệm và chứng nhận nghiêm ngặt.

Quan ngại thương mại đối với biện pháp của Australia phản ánh xu hướng ngày càng gia tăng trong việc siết chặt quản lý hóa chất nguy hại dựa trên đánh giá rủi ro môi trường, đồng thời mở rộng phạm vi điều chỉnh sang các sản phẩm chứa hóa chất. Biện pháp này cũng cho thấy xu hướng các quốc gia áp dụng tiêu chuẩn cao hơn so với khuôn khổ quốc tế hiện hành, nhằm chủ động kiểm soát rủi ro môi trường. Tuy nhiên, điều này đặt ra các vấn đề về tính tương xứng, khả thi kỹ thuật và chi phí tuân thủ, đặc biệt trong bối cảnh chuỗi cung ứng toàn cầu phức tạp.

Đối với Việt Nam, diễn biến này có ý nghĩa đặc biệt đáng lưu ý đối với các ngành sản xuất, xuất khẩu sản phẩm điện, điện tử, hóa chất và vật liệu, bởi các chất chống cháy như DBDPE được sử dụng tương đối phổ biến trong nhiều linh kiện, bộ phận và vật liệu nhằm đáp ứng yêu cầu về an toàn cháy nổ. Trong lĩnh vực điện, điện tử, các chất chống cháy thường có mặt trong vỏ nhựa thiết bị, bảng mạch, dây cáp, đầu nối, linh kiện cách điện, phụ tùng thay thế và nhiều chi tiết polymer kỹ thuật khác. Do đó, việc Australia siết chặt quản lý DBDPE không chỉ tác động đến hóa chất ở dạng đơn lẻ mà còn có thể ảnh hưởng trực tiếp đến hàng loạt sản phẩm công nghiệp có chứa chất này trong thành phần vật liệu hoặc chi tiết cấu thành.

Tác động đáng chú ý nằm ở chỗ yêu cầu quản lý hóa chất không còn dừng ở cấp nguyên liệu đầu vào mà đã mở rộng sang sản phẩm hoàn chỉnh và article chứa hóa chất, đồng nghĩa với việc doanh nghiệp xuất khẩu không thể chỉ kiểm soát ở khâu mua hóa chất mà phải rà soát toàn bộ chuỗi cung ứng vật liệu, linh kiện và nhà cung cấp trung gian. Đối với các doanh nghiệp điện, điện tử của Việt Nam, nhất là doanh nghiệp tham gia gia công, lắp ráp hoặc cung ứng linh kiện trong chuỗi giá trị toàn cầu, đây là thách thức lớn vì nhiều doanh nghiệp không trực tiếp sản xuất vật liệu nhựa hoặc chất chống cháy, nhưng vẫn phải

chịu trách nhiệm chứng minh sản phẩm đáp ứng ngưỡng hóa chất theo yêu cầu thị trường nhập khẩu.

Một rủi ro khác là sự phụ thuộc kỹ thuật giữa yêu cầu an toàn cháy và yêu cầu môi trường. Trong thực tiễn sản xuất điện, điện tử, chất chống cháy được sử dụng để đáp ứng các tiêu chuẩn an toàn điện, an toàn cháy nổ và độ bền kỹ thuật của sản phẩm. Vì vậy, khi một chất chống cháy bị hạn chế, doanh nghiệp không thể đơn giản thay thế ngay bằng chất khác nếu chưa có đánh giá đầy đủ về tính tương thích kỹ thuật, hiệu suất, độ bền, khả năng gia công, chi phí và khả năng đáp ứng các yêu cầu chứng nhận an toàn sản phẩm. Đây cũng chính là nội dung Hàn Quốc nêu quan ngại, khi cho rằng việc phát triển và chứng nhận chất thay thế có thể cần thời gian dài, thậm chí tới 10 năm trong một số trường hợp.

Đối với doanh nghiệp Việt Nam, điều này có thể dẫn tới ba nhóm tác động chính. Thứ nhất, chi phí tuân thủ sẽ gia tăng do phải thử nghiệm lại vật liệu, rà soát hồ sơ kỹ thuật, yêu cầu nhà cung cấp cung cấp thông tin thành phần, hoặc thay đổi thiết kế sản phẩm. Thứ hai, nguy cơ gián đoạn đơn hàng hoặc chậm tiếp cận thị trường có thể phát sinh nếu doanh nghiệp không kịp chứng minh mức độ tuân thủ hoặc không chuyển đổi kịp sang vật liệu thay thế phù hợp. Thứ ba, áp lực tuân thủ có thể lan từ Australia sang các thị trường khác nếu xu hướng kiểm soát chặt hơn đối với chất chống cháy brom hóa tiếp tục mở rộng.

Về phía quản lý nhà nước, vấn đề này cho thấy cần theo dõi không chỉ bản thân biện pháp của Australia mà cả xu hướng quản lý mới đối với các chất chống cháy trong sản phẩm công nghiệp. Cơ quan quản lý cần lưu ý rằng các quy định dạng này có khả năng ảnh hưởng rộng đến nhiều ngành xuất khẩu có giá trị gia tăng cao của Việt Nam, đặc biệt là điện, điện tử, thiết bị gia dụng, linh kiện nhựa kỹ thuật và phụ tùng công nghiệp. Đồng thời, cần tăng cường cảnh báo sớm cho doanh nghiệp về các hóa chất có nguy cơ bị kiểm soát chặt hơn, để doanh nghiệp có thời gian chuẩn bị phương án thay thế vật liệu, điều chỉnh nguồn cung và hoàn thiện hồ sơ tuân thủ.

Ở góc độ dài hạn, đây cũng là tín hiệu cho thấy doanh nghiệp Việt Nam cần chuyển từ cách tiếp cận tuân thủ thụ động sang quản trị hóa chất chủ động trong chuỗi cung ứng. Không chỉ quan tâm đến tiêu chuẩn của sản phẩm cuối cùng, doanh nghiệp cần từng bước xây dựng năng lực truy xuất thành phần vật liệu, quản lý dữ liệu hóa chất, đánh giá rủi ro tuân thủ và phối hợp sớm với nhà cung cấp trong việc thay thế các chất có nguy cơ cao. Đối với ngành điện, điện tử, đây sẽ là yếu tố ngày càng quan trọng để duy trì khả năng tham gia ổn định vào chuỗi cung ứng toàn cầu.



Vụ kiện giữa Hồng Kông – Trung Quốc và Hoa Kỳ về Quy định dấu xuất xứ của Hoa Kỳ (Phần 7) Thủ tục xử lý tranh chấp và báo cáo của Ban Hội thẩm

Trong phần phân tích về “ý nghĩa thông thường” của Điều XXI(b) GATT 1994, Ban Hội thẩm tập trung vào câu hỏi trọng tâm: cụm từ “which it considers” có mở rộng tới các tiểu khoản (i)–(iii) hay không. Cách hiểu cụm từ này quyết định phạm vi tự quyết của thành viên khi viện dẫn ngoại lệ an ninh, từ đó xác định liệu việc xem xét của Ban Hội thẩm có bị loại trừ hoàn toàn hay vẫn tồn tại ở mức độ nhất định.

Trước hết, Hoa Kỳ yêu cầu Ban Hội thẩm hiểu Điều XXI(b) như một cấu trúc ngữ pháp thống nhất: toàn bộ phần mô tả hành động và các điều kiện liệt kê trong ba tiểu khoản đều nằm trong mệnh đề quan hệ khởi đầu bằng “which it considers”. Theo Hoa Kỳ, Điều XXI(b) tạo ra một “mệnh đề quan hệ kéo dài”, trong đó mọi phân đoạn phía sau – bao gồm cả việc xác định liệu tình hình có thuộc “tình trạng khẩn cấp trong quan hệ quốc tế” – đều do thành viên viện dẫn tự quyết định. Hoa Kỳ viện dẫn các quy tắc ngữ pháp tiếng Anh để lập luận rằng các cụm từ “relating to” trong tiểu khoản (i) và (ii) phải được hiểu là bổ nghĩa cho “interests”, còn tiểu khoản (iii) là một ràng buộc về thời điểm, bổ nghĩa cho “action”. Hoa Kỳ thừa nhận sự khác biệt giữa (i)(ii) và (iii) nhưng cho rằng tiếng Anh cho phép các tiểu khoản bổ nghĩa cho những danh từ khác nhau trong cùng một chuỗi mà không vi phạm ngữ pháp. Trên cơ sở đó, Hoa Kỳ khẳng định toàn bộ cấu trúc này đều thuộc phạm vi tự quyết, và Ban Hội thẩm không thể tự diễn giải lại các điều kiện của tiểu khoản.

Ngược lại, Hong Kong, Trung Quốc bác bỏ cách tiếp cận của Hoa Kỳ. Theo Hong Kong, Trung Quốc, cụm từ “which it considers” chỉ điều chỉnh phần chapeau liên quan đến đánh giá tính “cần thiết” cho lợi ích an ninh, nhưng không mở rộng sang các tiểu khoản. Ba tiểu khoản, theo họ, tạo thành một “cụm danh ngữ” độc lập, chỉ dùng để giới hạn loại hành động

mà thành viên được phép thực hiện, và thuộc phạm vi đánh giá khách quan của Ban Hội thẩm. Do đó, việc xác định biện pháp có thuộc các loại hành động nêu trong tiểu khoản hay không phải được kiểm chứng bằng đánh giá độc lập, chứ không thể phó mặc cho quyết định chủ quan của quốc gia viện dẫn ngoại lệ.

Các bên thứ ba như Na Uy, Nga và Thụy Sĩ đồng tình với cách tiếp cận của Hong Kong, Trung Quốc và nhấn mạnh rằng cấu trúc của Điều XXI(b) thể hiện sự “chỉnh sửa kép”: một mệnh đề quan hệ “which it considers” bổ nghĩa cho cách thức thành viên đánh giá tính cần thiết, và một cấu trúc liệt kê độc lập (các tiểu khoản) bổ nghĩa trực tiếp cho danh từ “action”. Vì vậy, theo họ, không có cơ sở ngữ pháp để coi ba tiểu khoản nằm trong phạm vi tự quyết của quốc gia viện dẫn.

Ban Hội thẩm ghi nhận sự đối lập rõ rệt giữa hai cách diễn giải: Hoa Kỳ dựa trên cách đọc mở rộng mệnh đề quan hệ, còn Hong Kong, Trung Quốc và đa số bên thứ ba dựa trên sự phân biệt về chức năng ngữ pháp của các cụm từ trong câu. Ban Hội thẩm cũng lưu ý rằng các bên không tranh luận về ý nghĩa từ vựng của “consider” mà chỉ tranh luận về việc cụm này bao trùm các thành tố nào của Điều XXI(b). Do đó, bước phân tích đầu tiên của Ban Hội thẩm là xác định cấu trúc ngữ pháp của điều khoản trong tiếng Anh – ngôn ngữ mà cả hai bên đều viện dẫn.

Bên cạnh việc xem xét phiên bản tiếng Anh, Ban Hội thẩm cho biết sẽ đối chiếu với hai ngôn bản chính thức khác – tiếng Pháp và tiếng Tây Ban Nha – nhằm đảm bảo diễn giải phù hợp với Điều 33 Công ước Vienna về hiệu lực ngang nhau của các ngôn bản chính thức. Các khác biệt hoặc trùng hợp trong cấu trúc của ba ngôn bản sẽ được xem xét trước khi rút ra kết luận về ý nghĩa thông thường.

Từ những phân tích ban đầu này, Ban Hội thẩm xác định mục tiêu của phần tiếp theo là đưa ra kết luận xem: liệu cấu trúc ngữ pháp của Điều XXI(b) cho phép hiểu rằng toàn bộ nội dung, bao gồm cả các tiểu khoản (i)-(iii), nằm trong phạm vi tự quyết; hay liệu chỉ phần đánh giá tính cần thiết thuộc tự quyết, còn các điều kiện liệt kê là khách quan và có thể được xem xét độc lập bởi Ban Hội thẩm.

Ban Hội thẩm nhấn mạnh rằng kết luận này có ý nghĩa quyết định đối với toàn bộ trình tự phân tích của vụ tranh chấp, bởi nếu Hoa Kỳ đúng, Ban Hội thẩm sẽ không tiếp tục xem xét biện pháp tranh chấp; còn nếu Hong Kong, Trung Quốc đúng, Ban Hội thẩm sẽ tiến hành phân tích đầy đủ về vi phạm và sau đó kiểm tra điều kiện của ngoại lệ an ninh.

Trong phần đánh giá cấu trúc ngữ pháp của Điều XXI(b) GATT 1994, Ban Hội thẩm tập trung xử lý tranh cãi giữa hai cách diễn giải hoàn toàn khác nhau liên quan đến phạm vi của cụm từ “which it considers” trong câu chapeau. Cốt lõi vấn đề là xác định liệu cụm này có kéo dài bao trùm cả ba tiểu khoản (i)–(iii), như Hoa Kỳ khẳng định, hay chỉ dừng ở chapeau, để lại các tiểu khoản như một thành tố độc lập do Ban Hội thẩm đánh giá một cách khách quan, như lập luận của Hong Kong, Trung Quốc và nhiều bên thứ ba.

Trước tiên, Ban Hội thẩm ghi nhận rằng các bên đồng thuận về điểm khởi đầu: cụm “which it considers” tạo thành một mệnh đề quan hệ bổ nghĩa cho danh từ “action”. Tuy nhiên, bất đồng nảy sinh ở điểm mệnh đề này kết thúc ở đâu. Hoa Kỳ cho rằng mệnh đề kéo dài xuyên suốt toàn bộ điều khoản, bao gồm cả các tiểu khoản, vì vậy các điều kiện trong (i)–(iii) cũng thuộc phạm vi tự quyết của quốc gia viện dẫn ngoại lệ. Ngược lại, Hong Kong, Trung Quốc và các bên thứ ba cho rằng mệnh đề kết thúc ngay ở chapeau; còn ba tiểu khoản tạo thành một cấu trúc độc lập, trực tiếp bổ nghĩa cho “action” và không nằm trong phạm vi tự quyết.

Để minh họa sự khác biệt này, Ban Hội thẩm tái hiện hai cách trình bày cấu trúc điều khoản. Cách trình bày theo Hoa Kỳ cho thấy toàn bộ tiểu khoản nằm trong cùng một “khối” với cụm “which it considers”, tạo thành một chuỗi điều kiện mà Hoa Kỳ cho rằng chỉ cần do thành viên tự xác định. Trong khi đó, sơ đồ của Hong Kong, Trung Quốc đặt cụm “which it considers” tách biệt phía trên, còn ba tiểu khoản nằm trong một khối riêng bên dưới, qua đó phản ánh luận điểm rằng các tiểu khoản là giới hạn pháp lý khách quan, không phải yếu tố do thành viên tự quyết.

Ban Hội thẩm nhấn mạnh rằng hai cấu trúc này dẫn tới những hệ quả pháp lý hoàn toàn khác nhau. Nếu theo cấu trúc của Hoa Kỳ, thì toàn bộ Điều XXI(b) sẽ có tính chất “tự quyết hoàn toàn”, khiến Ban Hội thẩm không thể tiến hành bất kỳ sự xem xét nào đối với biện pháp. Ngược lại, theo cấu trúc của Hong Kong, Trung Quốc, các tiểu khoản là tiêu chí

khách quan xác định phạm vi áp dụng ngoại lệ, từ đó vẫn cho phép tiến hành đánh giá tư pháp.

Trước bối cảnh hai cách diễn giải đối lập, Ban Hội thẩm cho rằng cần phải phân tích một cách nghiêm ngặt cấu trúc ngữ pháp của điều khoản, để xác định xem mệnh đề quan hệ có tiếp tục vào các tiểu khoản hay không. Đây là bước không thể bỏ qua, vì quyết định này sẽ giải định khung pháp lý cho toàn bộ phần còn lại của phân tích ngoại lệ an ninh.

Do đó, Ban Hội thẩm tuyên bố sẽ tiếp tục xem xét sâu hơn khía cạnh ngữ pháp, nhằm xác định liệu chapeau và các tiểu khoản tạo thành một mệnh đề thống nhất, hay là hai đơn vị cấu trúc riêng biệt. Kết luận của bước này sẽ quyết định phạm vi “tự quyết” của Điều XXI(b) và mức độ mà Ban Hội thẩm có thể thực hiện chức năng xem xét tính phù hợp của biện pháp tranh chấp.

(còn tiếp)